



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN VẬT LIỆU (MSDS)

1. DANH TÍNH CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

TÊN SẢN PHẨM: SP DHB 101

KHUYÊN DÙNG: Dầu cắt gọt kim loại khó gia công

KHUYẾN CÁO: Sản phẩm này không nên được sử dụng cho mục đích khác so với khuyến cáo của nhà sản xuất.

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN AP SAIGON PETRO

Lầu 1, 6B Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

ĐT: (028) 38224848 Fax: (028) 38243959

E-mail: info@apsaigonpetro.com.vn

Liên hệ khẩn cấp: 1900 0104 (Tổng đài CSKH)

114 (Cứu hỏa)

115 (Cứu thương)

2. THÀNH PHẦN GÂY HẠI

CÁC SẢN PHẨM BỊ NHIỆT PHÂN HỦY GÂY HẠI:

- Hydrogen sulfide and oxides of carbon, nitrogen, sulfur và phosphorus.

KHÔNG TƯƠNG THÍCH (Tránh xa):

- Chất oxi hóa mạnh như hydrogen peroxide, bromie và axit chromic.

NGUY HIỂM VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC/ NGUY HIỂM GÂY CHÁY VÀ NỔ:

- Nguy cơ thấp. Vật liệu có thể tạo thành hỗn hợp dễ cháy hoặc chỉ có thể cháy khi gia nhiệt đến nhiệt độ bằng hoặc cao hơn điểm chớp cháy.
- Khí dễ cháy / độc sẽ hình thành khi cháy và phân hủy.

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	%
Poly(oxy-1,2-ethanediyl), .alpha.-(9Z)-9-octadecenyl-.omega.- hydroxy-, phosphate	539464-69-2	0.1 - 0.5

Các hợp chất có nguy cơ phơi nhiễm nghề nghiệp: Không có hợp chất nào.

Các hợp chất khác: Không hợp chất nào là nguy hiểm theo chi thị 94/69/EC.

Thành phần	CAS	%
Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, paraffin nặng	64742-54-7	0 - 10
Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, paraffin nhẹ	64742-55-8	50 - 100



4. SƠ CỨU BAN ĐẦU

ẢNH HƯỞNG LÂU DÀI CỦA VIỆC TIẾP XÚC QUÁ MỨC:

- Tiếp xúc với da lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể gây viêm da (kích ứng da)

ĐỘ CẤP TÍNH:

- Không có dữ liệu

QUY TRÌNH SƠ CỨU KHẨN CẤP:

- **TIẾP XÚC VỚI MẮT:** Ngay lập tức rửa nhiều với nước. Nếu xảy ra kích ứng, gọi trợ giúp y tế.
- **TIẾP XÚC DA:** Rửa sạch với xà phòng và nước
- **HÔ HẤP:** Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí
- **KHI NUỐT PHẢI:** Gọi trợ giúp y tế ngay lập tức. Không gây nôn.

5. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY:

- **Phương tiện chữa cháy phù hợp:** Hóa chất khô, bột, bột khô hoặc CO₂; nước có khả năng tạo bọt; nước thông thường không có tác dụng chữa cháy. Các vật chứa còn đóng nắp có khả năng tiếp xúc với lửa nên được làm mát bằng nước.
- **Phương tiện chữa cháy không phù hợp:** Phun thẳng nước vào ngọn lửa đang cháy.

QUY TRÌNH CHỮA CHÁY:

- Cần bảo vệ đường hô hấp và mắt cho nhân viên chữa cháy.

NGUY HIỂM CHÁY NỔ BẤT THƯỜNG:

- Khói dày đặc. Nhân viên cứu hỏa phải đeo thiết bị thở theo đúng quy định.
- Các sản phẩm phân hủy gây hại: carbon dioxide, carbon monoxide.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐỀ PHÒNG RỦI RO

CẢNH BÁO CÁ NHÂN: Không có yêu cầu đặc biệt

XỬ LÝ SỰ CỐ TRÀN:

- **Tràn ra đất:** Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Phục hồi bằng cách bơm hoặc thấm dầu phù hợp.
- **Tràn ra nước:** Sản phẩm nhũ hóa với nước và có thể hoàn toàn trộn lẫn. Khi xảy ra tràn, bịt ngay chỗ rò rỉ và hỏi ý kiến chuyên gia.

THẬN TRỌNG VỚI MÔI TRƯỜNG:

- **Sự cố tràn với lượng nhỏ:** Thấm dầu bằng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy, cho vào thùng chứa và xử lý sau.



- **Sự cố tràn với lượng lớn:** Cách ly chất lỏng để xử lý. Không cho nguồn chất lỏng thấm vào nguồn nước hay tràn ra hệ thống cống, tầng ngầm hoặc các khu vực kín khí khác.

7. VẬN CHUYỂN VÀ TỒN TRỮ

TỒN TRỮ: Đảm bảo các vật chứa luôn đóng kín khi không sử dụng. Không lưu trữ trong tình trạng vật chứa còn mở hoặc không dán nhãn. Lưu trữ xa nguồn oxi hóa và vật liệu dễ cháy. Không lưu trữ gần nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa và chất oxi hóa mạnh

VẬN CHUYỂN: Để tránh làm giảm chất lượng sản phẩm, cần tránh nhiễm bẩn nước và duy trì nhiệt độ xử lý khả thi tối thiểu.

8. BẢO VỆ CÁ NHÂN/KIỂM SOÁT PHÁT THẢI

GIỚI HẠN PHÁT THẢI:

	ACGIH TLV/TWA	TLV/ STEL
Sương dầu (dầu khoáng)	5mg/m ³	10mg/m ³

QUY TRÌNH THÔNG GIÓ: Sử dụng hệ thống thông gió thích hợp, hệ thống thoát khí cục bộ hoặc các thùng chứa để kiểm soát dưới giới hạn phơi nhiễm.

BẢO VỆ HÔ HẤP: Khi thông gió không đầy đủ, đeo mặt nạ phòng độc theo quy định.

BẢO VỆ MẮT: Đeo kính bảo hộ hoặc tấm che mặt nếu xử lý ở nhiệt độ cao.

GĂNG TAY BẢO VỆ: Chống dầu

9. TÍNH CHẤT HÓA LÝ CỦA SẢN PHẨM

TRẠNG THÁI VẬT LÝ: Chất lỏng

MÀU: Max 5.0

ĐỘ NHỚT ĐỘNG HỌC [PHƯƠNG PHÁP]: Báo cáo ở 40°C [ASTM D445]

MÙI: Mùi dầu lưu huỳnh nhẹ

NGŨƠNG MÙI: Không xác định

pH: Không xác định

ĐIỂM NÓNG CHÁY/ĐÔNG ĐẶC: Không xác định

ĐIỂM ĐÔNG ĐẶC: Max -6

ĐIỂM SÔI/ KHOẢNG SÔI: Không xác định

ĐIỂM CHỚP CHÁY [PHƯƠNG PHÁP]: Min. 160°C (320°F) [ASTM D92]

ĐỘ ỔN ĐỊNH: Sản phẩm ổn định ở điều kiện thường.

TÍNH DỄ CHÁY: Không xác định

GIỚI HẠN CHÁY DƯỚI/ CHÁY TRÊN VÀ GÂY NỔ: 1-10% (dựa trên dầu khoáng)

ÁP SUẤT HƠI: Không xác định

KHỐI LƯỢNG RIÊNG HƠI (không khí = 1): > 1 (giá trị ước tính)



TỶ TRỌNG (nước = 1.0): xấp xỉ 0.8 -0.9 at 15°C
ĐỘ HÒA TAN TRONG NƯỚC: Không xác định
HỆ SỐ PHÂN TÁCH (n-octanol/water): Không xác định
NHIỆT ĐỘ TỰ KÍCH CHÁY: Không xác định
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY: Không xác định

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

ĐỘ ỔN ĐỊNH HÓA HỌC: Sản phẩm ổn định ở điều kiện thông thường.
VẬT LIỆU KHÔNG TƯƠNG THÍCH: Tác nhân oxy hóa mạnh, quá nhiệt.
SẢN PHẨM PHÂN HỦY ĐỘC HẠI: Carbon monoxide, carbon dioxide.
SỰ POLYME HÓA: Không xảy ra
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY: Không xác định.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

MỨC ĐỘ ĐỘC TÍNH: Dữ liệu không có sẵn.
ĂN MÒN / KÍCH ỨNG DA: Tiếp xúc da lâu dài hoặc nhiều lần có thể gây viêm da (kích ứng).
KÍCH ỨNG / TỔN THƯƠNG MẮT: Có thể gây kích ứng nhẹ, khó chịu mắt tức thời.
MÃN CẢM VỚI DA VÀ HỆ HÔ HẤP: nếu sản phẩm bị quá nhiệt trong điều kiện có mặt của nước thì có thể phát tán hydro sulfide gây nên hiện tượng khó thở, ngừng thở, hôn mê và thậm chí là tử vong mà không thể nhận biết bất cứ mùi nào.
BIẾN ĐỔI TẾ BÀO: không có dữ liệu chứng minh sản phẩm hay các thành phần của sản phẩm gây bất cứ vấn đề nào liên quan đến biến đổi tế bào.
GÂY UNG THƯ: Nghiên cứu trên động vật chứng minh sản phẩm không gây ung thư.
ĐỘC TÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH SẢN: Không có bất kỳ dữ liệu nào chứng minh sản phẩm hay các thành phần trong sản phẩm có độc tính ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.
DỊ TẬT BẨM SINH: Không có dữ liệu.
ĐỘC TÓ HỮU CƠ (PHÁT THÁI MỘT LẦN): Không có dữ liệu.
ĐỘC TÓ HỮU CƠ (PHÁT THÁI NHIỀU LẦN): Không có dữ liệu.
NGUY HẠI KHI HÍT PHẢI: Không có dữ liệu.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Tránh gây ô nhiễm nguồn nước.
ĐỘC TÍNH: gây hại cho thủy sinh nếu tác động trong thời gian dài.



KHẢ NĂNG TỰ PHÂN HỦY VÀ TÀN DƯ TRONG MÔI TRƯỜNG: khả năng tự phân hủy sinh học hạn chế.

KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC: không có dữ liệu.

SỰ DI CHUYỂN TRONG ĐẤT: Sản phẩm bị hấp thụ vào đất, bùn nếu bị chảy ra ngoài.

13. KHUYẾN CÁO THẢI BỎ

XỬ LÝ CHẤT THẢI: Không được xả thải vào nguồn nước, đất. Không được chôn lấp. Sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và tái chế bởi các công ty được cấp phép theo quy định.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG: thùng chứa rỗng có thể có cặn dầu và gây nguy hiểm. Không nén, cắt, hàn, khoan, mài thùng chứa làm phát sinh tia lửa điện hoặc bằng các nguồn dễ gây kích cháy khác. Điều này có thể gây nên thương tích và tử vong. Thùng chứa rỗng nên để rỗng hoàn toàn và xếp vào một khu riêng biệt. Tất cả thùng chứa nên được thải bỏ theo đúng quy định của pháp luật

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

ĐƯỜNG BỘ: Không có quy định cho vận chuyển bằng đường bộ.

ĐƯỜNG THỦY (IMDG): Không có quy định về vận chuyển bằng đường thủy theo mã IMDG.

ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG (IATA): Không có quy định cho vận chuyển bằng đường hàng không.

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT

Tất cả các thành phần phù hợp với tiêu chuẩn TSCA, SARA, EEC EINECS và METI.

16. THÔNG TIN KHÁC

CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ MSDS: Phòng R&D, QC

LIÊN HỆ: Mr Sinh

Không được sửa đổi bất kỳ thông tin nào trong tài liệu này nếu không được sự đồng ý của AP SAIGON PETRO JSC.

Thông tin trong tài liệu này được dựa trên những dữ liệu đáng tin cậy tại thời điểm công bố và chỉ liên quan đến các vấn đề cụ thể được nêu trong tài liệu này. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

Dữ liệu và lời khuyên đã cho áp dụng khi sản phẩm bán ra để sử dụng cho một hoặc nhiều ứng dụng đã nêu rõ. Khách hàng không được sử dụng sản phẩm theo cách khác với (những) cách đã nêu mà không hỏi ý kiến của **AP SAIGON PETRO JSC**.

Nghĩa vụ của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn và tuân thủ các luật pháp và quy định được áp dụng. **AP SAIGON PETRO JSC** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến mất mát, nguy hiểm hay tổn thương do sử dụng khác với công dụng của sản phẩm đã nêu đối với chất này, do không tuân thủ khuyến nghị hoặc do bất kỳ nguy hiểm nào vốn có trong bản chất của sản phẩm. Những người mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba sử dụng tại nơi làm việc có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất kỳ người nào xử lý hoặc sử dụng sản phẩm đều được cung cấp thông tin trong tờ này.



SDS No. SP/531
Ngày soát xét: 04/05/2022

Các nhà sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro được mô tả trong tờ này và cần thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa. Bạn có thể liên hệ với **AP SAIGON PETRO JSC** để đảm bảo tài liệu này là tài liệu mới nhất hiện có. Nghiêm cấm thay đổi đối với tài liệu này.